

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026

HỒ SƠ PHÁP LÝ

STT	Các loại Quyết định / GCN	Số	Ngày ký	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	Quyết định thành lập	2347/QĐ-UBND	13/05/2009	UBND TPHCM	
2	Quyết định cho phép hoạt động	287-70QĐ-GDĐT-TC	10/3/2014	SGDĐT	
3	Quyết định thành lập Hội đồng trường theo Thông tư 40/2021/TT-BGDĐT	3908/QĐ-SGDĐT	28/11/2023	SGDĐT	
4	Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường	3909/QĐ-SGDĐT	28/11/2023	SGDĐT	
5	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp				
6	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
7	Biên bản kiểm tra PCCC		21/5/2025	Cảnh sát PCCC&CNCH	
8	Quyết định khác				

Người lập bảng
(Họ tên và số điện thoại người lập bảng)


TRỊNH VĂN THANH - 0937566511


HIỆU TRƯỞNG

LÊ TRƯỜNG SƠN

Lưu ý: Đơn vị liệt kê các QĐ đã được cấp
QĐ về việc phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp (nếu có)
QĐ về việc phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài (nếu có)
Các giấy chứng nhận (nếu có)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CỦA TRƯỜNG

STT	Tên cơ sở	Số Quyết định	Cơ quan ban hành	Địa chỉ	Phường	Tình trạng hoạt động
1	Trụ sở chính	2347/QĐ-UBND	UBND TPHCM	1/22/2A Nguyễn Oanh, Phường An Nhơn, TP.HCM	An Nhơn	Bình thường
2	Cơ sở 1	3073/GDĐT-TC	SGDĐT	54/5C Phạm Văn Chiêu, Phường An Hội Tây, TP.HCM	An Hội Tây	Bình thường
3						
4						
5						
6						
7						

Người lập bảng



TRỊNH VĂN THANH


HIỆU TRƯỞNG

LÊ TRƯỜNG SƠN

Lưu ý: Tình trạng hoạt động gồm đang hoạt động, tạm ngưng hoạt động, giải thể, đang thực hiện hồ sơ chuyển địa điểm.

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG THEO THÔNG TƯ 40/2021/TT-BGDĐT

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức vụ	Điện thoại liên lạc
1	Nguyễn Thành Vần	15/06/1954	Nam	Việt Nam	Chủ tịch HĐT	0908466890
2	Lê Trường Sơn	9/8/1963	Nam	Việt Nam	Thư ký	0903750569
3	Võ Thị Thu Thảo	3/4/1973	Nam	Việt Nam	Ủy viên	0909692974
4	Nguyễn Ngọc Thu	7/7/1955	Nam	Việt Nam	Ủy viên	0903962069
5	Huỳnh Kim Tuấn	3/4/1976	Nam	Việt Nam	Ủy viên	0902611511

Người lập bảng



TRỊNH VĂN THANH

HIỆU TRƯỞNG

LÊ TRƯỜNG SƠN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026

DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng)

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số GPLĐ (nếu là người nước ngoài)	Chức vụ	Cơ sở phụ trách	Số Quyết định	Ngày ký	Nhiệm kỳ	Điện thoại liên lạc
1	Lê Trường Sơn	8/9/1963	Nam	Việt Nam		Hiệu trưởng	Trụ sở chính, Cơ sở 1	889/QĐ-GDĐT	14/4/2025	5 Năm	0903750569
2	Trịnh Văn Thanh	19/5/1985	Nam	Việt Nam		Phó Hiệu trưởng	Trụ sở chính	932/QĐ-GDĐT	18/4/2025	5 Năm	0937566511
3											
4											
5											
6											
7											

Người lập bảng


TRỊNH VĂN THANH


HIỆU TRƯỞNG
LÊ TRƯỜNG SƠN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

CẤP HỌC	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	Sau khi hoàn thành chương trình học sinh được cấp văn bằng/ chứng nhận gì?	Cơ quan cấp phép	Số Quyết định cho phép
Tiểu học				
THCS				
THPT	GDPT - 2018 (K.10, K.11, K.12).	Bằng TN	SGDĐT- TP.HCM	

Người lập bảng



TRỊNH VĂN THANH

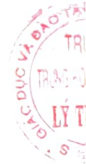
Lưu ý: Nhà trường liệt kê các chương trình giáo dục đang giảng dạy của từng cấp học (đã có Quyết định cho phép)



LÊ TRƯỜNG SƠN

TÌNH HÌNH HỌC SINH CỦA TRƯỜNG

STT	Khối lớp	Số lớp	Số lượng học sinh									
			Tổng cộng	Nam	Nữ	Học chương trình Việt Nam	Học chương trình nước ngoài (nếu có)	Học chương trình giáo dục tích hợp (nếu có)	Người nước ngoài (nếu có)	Học hòa nhập (nếu có)	Bán trú	Nội trú
Toàn trường												
1	Nhà trẻ (dưới 3 tuổi)											
2	Mẫu giáo (từ 3-4 tuổi)											
3	Mẫu giáo (từ 4-5 tuổi)											
4	Mẫu giáo (từ 5-6 tuổi)											
5	Khối 1											
6	Khối 2											
7	Khối 3											
8	Khối 4											
9	Khối 5											
10	Khối 6											
11	Khối 7											
12	Khối 8											
13	Khối 9											
14	Khối 10	5	145	71	74							
15	Khối 11	9	296	150	146							
16	Khối 12	8	256	134	122							
	Tổng cộng	22	697	355	342	0	0	0	0	0	0	0
Trụ sở chính (1/22/2A Nguyễn Oanh, Phường An Nhơn, TP.HCM)												
1	Nhà trẻ (dưới 3 tuổi)											
2	Mẫu giáo (từ 3-4 tuổi)											
3	Mẫu giáo (từ 4-5 tuổi)											
4	Mẫu giáo (từ 5-6 tuổi)											



5	Khối 1											
6	Khối 2											
7	Khối 3											
8	Khối 4											
9	Khối 5											
10	Khối 6											
11	Khối 7											
12	Khối 8											
13	Khối 9											
14	Khối 10	3	83	43	40							
15	Khối 11	5	177	95	82							
16	Khối 12	4	139	69	70							
	Tổng cộng	12	399	207	192	0	0	0	0	0	0	0

Cơ sở 1: (54/5C Phạm Văn Chiêu, Phường An Hội Tây, TP.HCM)

1	Nhà trẻ (dưới 3 tuổi)											
2	Mẫu giáo (từ 3-4 tuổi)											
3	Mẫu giáo (từ 4-5 tuổi)											
4	Mẫu giáo (từ 5-6 tuổi)											
5	Khối 1											
6	Khối 2											
7	Khối 3											
8	Khối 4											
9	Khối 5											
10	Khối 6											
11	Khối 7											
12	Khối 8											
13	Khối 9											
14	Khối 10	2	62	28	34							
15	Khối 11	4	119	55	64							
16	Khối 12	4	117	65	52							
	Tổng cộng	10	298	148	150	0	0	0	0	0	0	0

Người lập bảng

Trịnh Văn Thanh

TRỊNH VĂN THANH

Lưu ý: Nếu trường có nhiều cơ sở thì báo cáo hết cơ sở này rồi đến cơ sở kế tiếp



LÊ TRƯỜNG SƠN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026

TÌNH HÌNH GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG

STT	Vị trí việc làm	Số lượng				Số lượng giáo viên dạy CT Việt Nam	Số lượng giáo viên dạy CT nước ngoài (đ/v trường có vỏ nước ngoài)	Số lượng giáo viên dạy CT giáo dục tích hợp (nếu có)	Số lượng ký HĐ lao động	Số lượng có GPLĐ (đối với gv nước ngoài)	Số lượng tham gia BHXH
		Tổng cộng	Nam	Nữ	Đủ chuẩn VB						
(1)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Giáo viên cơ hữu VN	26	17	9		26			26		26
2	Giáo viên thỉnh giảng VN	72	29	43		72			72		
3	Nhân viên người VN	23	11	12							23
4	Giáo viên người nước ngoài	0	0	0		0					
5	Nhân viên người nước ngoài	0	0	0		0					
6	Nhân viên y tế	1		1							
7	Giáo viên / Nhân viên phụ trách phòng THPTN	1	1								

Người lập bảng



TRỊNH VĂN THANH


HIỆU TRƯỞNG
LÝ THÁI TỎ
LÊ TRƯỜNG SON

Lưu ý: Giáo viên, nhân viên có STT 6, 7 đã được tính trong nhân sự từ STT 1 đến 5. Phần này Sở cần biết thêm thông tin.

HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC

STT	Khối lớp	Học phí			Các khoản thu khác					Số lượng PHHS có ký hợp đồng đầu tư giáo dục
		Theo tháng	Theo năm	Ghi chú	Bán trú	Nội trú	Tiền xe đưa đón			
5	Khối 1									
6	Khối 2									
7	Khối 3									
8	Khối 4									
9	Khối 5									
10	Khối 6									
11	Khối 7									
12	Khối 8									
13	Khối 9									
14	Khối 10	1.300.000			1.100.000	1.600.000				
15	Khối 11	1.300.000			1.100.000	1.600.000				
16	Khối 12	1.300.000			1.100.000	1.600.000				

Người lập bảng



TRỊNH VĂN THANH



HIỆU TRƯỞNG

LÊ TRƯỜNG SON